TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Phan

Bà Lê Thị Dệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2023/TLST - HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Q Q**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 tại: xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Q K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 16/3/2022 bị Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy số tiền 3.500.000đ. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định.

- Ngày 01/7/2022 bị Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản số tiền 2.000.000đ. Bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 áp dụng biện pháp tạm giam theo Lệnh tạm giam số 11/CSĐT ngày 21/02/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm 1994 tại: xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Â, xã TT, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Đỗ Thị L, chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS - ST ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2021. Bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS - ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2022. Bị cáo chưa chấp hành xong bản án.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 áp dụng biện pháp tạm giam theo Lệnh tạm giam số 12/CSĐT ngày 21/02/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Q Q:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:* Bà Lương Thanh Vân - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị hại:*

+ Ông Đồng Huy T1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Ngô Xuân H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Người làm chứng:*Ông Phạm Văn S1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn Â, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt 2 người bào chữa cho bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (có đơn xin xét xử vắng mặt) và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Do thiếu tiền tiêu xài nên Vũ Q Q sinh năm 1998 ở thôn V, xã S, huyện C nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Q rủ Phạm Văn T sinh năm

1994 ở thôn Â, xã TT, huyện C đi trộm cắp tài sản thì được T đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 30/01/2023 T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 36B4 - 149.32 của ông Phạm Văn S sinh năm 1958 ở thôn Â, xã TT, huyện C (là bố đẻ T) chở Q đi đến khu vực xã V, huyện C xem nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Cả hai đi trên đường thì Q thấy ở bãi rác ven đường có bì đựng rác. T dừng xe lại để Q xuống xe đổ rác trong bì ra và cầm theo hai cái bì loại bì xác rắn màu da cam rồi dắt lên khung xe đi tiếp. Khi đến thôn P, xã V, huyện C thì Q quan sát thấy nhà ông Đồng Huy T1 sinh năm 1956 ở thôn P, xã V, huyện C đã tắt đèn, có một chuồng gà ở sau nhà, lúc này Q nói T điều khiển xe quay lại rồi đi vào ngõ bên hông nhà ông T1, T dừng xe lại, Q xuống xe trèo tường đằng sau vào nhà ông T1. T cầm bì trèo theo sau rồi đứng sát bờ tường để cảnh giới. Q thấy chuồng gà không có cửa nên vào bắt gà (không nhớ mấy con) mang ra chỗ T đứng. T mở miệng bì để Q bỏ gà vào cho đến khi đầy bì thì Q không bắt nữa. Q và T buộc miệng bì rồi khiêng ra để lên xe mô tô, T điều khiển xe chở Q ngồi sau ôm bì gà đi đến nhà ông Q1 (Q và T không biết thôn nào) ở xã B, huyện C, khi bán gà Q nói với ông Q1 gà của nhà em bán lấy tiền mua thuốc, ông Q1 đồng ý mua và thoả thuận giá gà là 60.000đ/1kg, khi cân gà thì Q và T cân tổng trọng lượng là 14kg, ông Q1 chê gà nhỏ nên trả cho Q và T số tiền 800.000đ. Do khi bắt gà Q thấy đang còn gà và dễ bắt nên Q bảo T quay lại nhà ông T1 để tiếp tục bắt gà, T đồng ý rồi điều khiển xe chở Q quay lại nhà ông T1 và cũng vào theo đường cũ, Q trèo tường vào bắt gà, T cầm bì trèo theo sau và đứng cảnh giới, Q bắt gà đến khi đầy bì thì cả hai buộc lại, khiêng ra xe; T điều khiển xe chở Q ngồi sau ôm bì gà tiếp tục mang đến nhà ông Q1 ở xã B, huyện C để bán và thỏa thuận giá 60.000đ/1kg và cân được tổng trọng lượng là 19kg, ông Q1 trả cho Q và T số tiền 930.000đ. Tổng hai lần Q và T trộm cắp gà nhà ông T1 là 33kg, bán được tổng số tiền 1.730.000đ, số tiền này Q và T sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 15/02/2023, do hết tiền tiêu xài nên Vũ Q Q rủ Phạm Văn T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 36B4- 149.32 của ông Phạm Văn S, sinh năm 1958 ở thôn Â, xã TT, huyện C (là bố đẻ T) chở Q, cả hai đi đến khu vực cống B1 thuộc xã V, huyện C thì Q thấy ven đường có một bì rác, T dừng xe lại để Q xuống đổ rác ra và lấy bì cầm theo, T chở Q đi đến địa phận thôn X, xã V, huyện C thì thấy gia đình ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1967 đã tắt đèn, sau nhà có một chuồng gà, Q quan sát thấy bờ rào nhà ông S1 được quây bằng lưới thép B40, do trước đó Q thấy trong cốp xe của T có 01 cái kìm nên Q bảo T mở cốp lấy kìm. Q cầm kìm lại cắt lưới B40 rồi đi vào chuồng gà còn T cầm bì đứng bên ngoài lưới để cảnh giới, do chuồng gà không có cửa nên Q đi vào bắt gà, lần đầu Q bắt được 03 con gà, lần 2 bắt tiếp được 03 con, lần 3 bắt được 02 con Q mang ra đưa cho T bỏ vào bì, lúc này Q định vào bắt tiếp thì có tiếng chó sủa và đèn điện trong nhà bật sáng nên không vào bắt nữa, T buộc đầu bì lại rồi cả hai khiêng gà ra xe. T điều khiển xe chở Q ngồi sau ôm bì gà mang đến nhà ông Q1 ở xã B để bán gà nhưng ông Q1 không có nhà, sau đó Q bảo T chở đến nhà anh Ngô Xuân H, sinh năm 1986, ở thôn L, xã B để bán gà, khi bán gà Q nói với anh H gà của nhà em bán lấy tiền mua thuốc, thì anh H

đồng ý mua. Q và T thoả thuận với anh H giá bán gà là 60.000đ/01kg, tổng số gà cân lên có trọng lượng là 15kg, anh H trả cho Q và T số tiền 900.000đ, Q nhận tiền rồi bỏ vào túi quần, sau đó đưa cho T cầm rồi đi về. Đến sáng ngày 16/02/2023 khi Q và T đang đi trên đường ở khu vực xã V, huyện C thì thấy lực lượng Công an xã V, huyện C đang đi truy tìm đối tượng trộm cắp, biết không thể che giấu được hành vi vi phạm pháp luật nên Q và T đã đến Công an xã V, huyện C đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Bị hại ông Đồng Huy T1 báo cáo: Vào khoảng 06 giờ 30 phút sáng ngày 31/01/2023 ông ra cho gà ăn thì phát hiện bị trộm cắp 28 con gà, cả gà trống và gà mái. Ông T1 yêu cầu Cơ quan điều tra xử lý nghiêm đối tượng trộm cắp và đền bù giá trị thiệt hại tài sản số tiền 3.300.000đ, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bị hại ông Nguyễn Văn S báo cáo: Vào sáng ngày 16/02/2023 khi ông ra chuồng gà thì phát hiện lưới B40 rào ở sau nhà đã bị cắt, ông kiểm tra thì thấy gà đã bị mất trộm 08 con gà gồm 07 con gà mái và 01 con gà trống. Ông S đề nghị các đối tượng đã trộm cắp đền bù giá trị thiệt hại tài sản số tiền 1.500.000đ, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Ngày 17/01/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống định giá tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống, kết luận:

- Giá trị 33kg gà ta nuôi thịt tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 30/01/2023 là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Giá trị 15kg gà ta nuôi thịt tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 15/02/2023 là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 30/01/2023 và ngày 15/02/2023 là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 20/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định tiền.

Tại Bản kết luận giám định số 801/KL-KTHS ngày 27/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 04 Tờ tiền Việt Nam nêu ở mục II.1 (Mẫu giám định) là tiền thật.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng, BKS 36B4 - 149.32, số khung: RLHJA3215EY016485, số máy JA32E1032516 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của ông Phạm Văn S sinh năm 1958 ở thôn Â, xã TT, huyện C là chủ sở hữu. Khi T mượn xe đi ông S không biết T dùng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản. Ngày 06/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại chiếc xe trên cho ông Phạm Văn S.

- Tiền Việt Nam 900.000 đồng.

- 01 Kìm bằng kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen, nhãn hiệu Thai Nguyen KTN, đã sử dụng. Đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống chờ xử lý.

Đối với ông Vũ Hữu Q1 sinh năm 1965 ở thôn L, xã B, huyện C, bị cáo Q và T khai bán 02 lần gà trộm cắp nhà ông T1 cho ông Q1 tổng là 33kg. Tuy nhiên ông Q1 không thừa nhận mua gà của Q và T và Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không thu giữ được số gà trên và cũng không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý đối với ông Q1.

Đối với anh Ngô Xuân Hiếu sinh năm 1986 ở thôn Lý Bắc, xã Thăng Bình, huyện Nông Cống thừa nhận có mua tổng là 15kg với số tiền 900.000đ của Q và T vào ngày 15/02/2023. Tuy nhiên anh H không biết đó là tài sản trộm cắp và cũng không thu giữ được số gà trên nên không có căn cứ xử lý đối với anh H.

Tại Bản cáo trạng số 29/CT-VKSNC ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố bị cáo Vũ Q Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 đối với bị cáo Vũ Q Q; điểm g khoản 2 Điều 173 đối với bị cáo Phạm Văn T; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với cả hai bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Q Q mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 26 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/02/2023; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Đồng Huy T1 số tiền 3.300.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T1 số tiền là 1.650.000đ. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn S1 số tiền 1.500.000đ, các bị cáo đã bồi thường cho ông S1 được 900.000đ còn phải bồi thường là 600.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông S1 số tiền là 300.000đ; về vật chứng: 01 chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen, nhãn hiệu Thai Nguyen KTN, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội và giá trị sử dụng thấp nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy; về án phí: Các bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Q Q thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Về hình phạt: Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị xử phạt mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù; gia

đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại; về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Về hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại; về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản cho bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị thiệt hại tài sản đã trộm cắp theo kết luận định giá tài sản, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền bán gà và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, kết quả định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ thu được. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Khoảng 19 giờ ngày 30/01/2023 Vũ Q Q và Phạm Văn T đã có hành vi trộm cắp 33kg gà trị giá 3.300.000đ của ông Đồng Huy T1, sinh năm 1956 ở thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 20 giờ ngày 15/02/2023 Vũ Q Q và Phạm Văn T tiếp tục có hành vi trộm cắp 15kg gà trị giá 1.500.000đ của ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1967 ở thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa để đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 4.800.000đ (Theo Kết luận định giá tài sản số 09/KL - ĐGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện

Nông Cống). Đối với bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, cụ thể: Ngày 25/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 07/2019/HS - ST và ngày 26/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 27/2022/HS - ST nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định: Hành vi của bị cáo Vũ Q Q đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Vũ Q Q thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo Phạm Văn T thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để lén lút trộm cắp tài sản của Vũ Q Q và Phạm Văn T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tính chất đồng phạm: Là hình thức đồng phạm giản đơn. Do thiếu tiền tiêu xài nên Vũ Q Q nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản và rủ Phạm Văn T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Bị cáo Q là người khởi xướng, cả hai bị cáo đều là người thực hành. Vai trò của bị cáo Q cao hơn bị cáo T.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 2 lần: Đối với lần phạm tội ngày 15/02/2023 tuy giá trị tài sản dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo Vũ Q Q đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS và bị cáo Phạm Văn T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Q Q tuy phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã phạm tội 2 lần nên không phải là phạm tội lần đầu. Vì vậy, không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q. Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Vũ Q Q có 02 tiền sự, bị cáo Phạm Văn T có 02 tiền án.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Đồng Huy T1 và ông Nguyễn Văn S1. Căn cứ vào các Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS:

Buộc bị cáo Vũ Q Q và bị cáo Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Đồng Huy T1 số tiền là 3.300.000đ. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T1 số tiền là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn San số tiền là 1.500.000đ. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho ông San số tiền 900.000đ mà các bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Văn San số tiền là 600.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Đối với anh Ngô Xuân H mua của bị cáo Q và T 15kg gà với số tiền 900.000đ. Anh H không biết đó là tài sản trộm cắp và cũng không thu giữ được số gà trên. Anh H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền bán gà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 900.000đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, anh Ngô Xuân H không yêu cầu các bị cáo trả lại, ông Nguyễn Văn S1 yêu cầu các bị cáo bồi thường nên các bị cáo phải bồi thường số tiền 900.000đ cho ông S1 theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS.

- 01 Kìm bằng kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen, nhãn hiệu Thai Nguyen KTN, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội và giá trị sử dụng thấp nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Vũ Q Q:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn T:

Xử phạt: Vũ Q Q 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (16/02/2023).

Xử phạt: Phạm Văn T 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (16/02/2023).

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS:

Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đồng Huy T1 và ông Nguyễn Văn San:

Buộc bị cáo Vũ Q Q và bị cáo Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Đồng Huy T1 số tiền là 3.300.000đ. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T1 số tiền là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn S1 số tiền là 1.500.000đ. Các bị cáo đã bồi thường cho ông S1 số tiền 900.000đ. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn S1 số tiền là 600.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S1 số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

- Tịch thu và tiêu hủy 01kìm bằng kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ - đen, nhãn hiệu Thai Nguyen KTN, đã qua sử dụng.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống lập ngày 26/4/2023.

* Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch tài sản cho bị cáo Vũ Q Q và Phạm Văn T.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bì cáo; bì hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trịnh Thị Hà